

Số: 5477917

|                                            | NEW PEUGEOT 2008 GT      | PEUGEOT 408 SPORT EDITION PREMIUM |
|--------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>899.000.000đ</b>      | <b>1.139.000.000đ</b>             |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                          |                                   |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4300 x 1785 x 1580       | 4.687 x 1.850 x 1.510             |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2605                     | 2.787                             |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5400                     |                                   |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 185                      | 189                               |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1225                     |                                   |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1730                     |                                   |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 434                      |                                   |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 44                       |                                   |
| Số chỗ ngồi                                | 5                        |                                   |
| Nguồn gốc                                  | SX-LR trong nước         |                                   |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                          |                                   |
| DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM                       | Common Modular Plaform   |                                   |
| Loại động cơ                               | 1.2L Turbo Puretech      | 1.6 Turbo PureTech                |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1199                     |                                   |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 133 @ 4000 – 6000        | 218 @ 5.500                       |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 230 @ 1750 – 3500        | 300 @ 2.000                       |
| Hộp số                                     | 6AT                      | Tự động 8 cấp                     |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)          |                                   |
| Hệ thống treo trước                        | Độc lập Mc Pherson       |                                   |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn               |                                   |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                      |                                   |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                      |                                   |
| Thông số lốp xe                            | 215/55 R18               | 225/55 R18                        |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 9,1                      |                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5,7                      |                                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 7,0                      |                                   |
| Chế độ lái                                 | Eco/Normal/Sport/Manual  |                                   |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                          |                                   |
| Cụm đèn trước                              | LED Projector            | LED                               |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | ●                        | ●                                 |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | ●                        |                                   |
| Đèn ban ngày LED                           | ● (Dạng móng vuốt sư tử) |                                   |
| Cụm đèn sau                                | LED                      | ●                                 |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                        |                                   |
| Gạt mưa tự động                            | ●                        | ●                                 |
| Cửa sổ trời                                | ●                        | -                                 |
| Trang bị khác                              | Cốp đóng - mở điện       | -                                 |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                          |                                   |
| Vô lăng bọc da                             | ● (D-Cut trên dưới)      | ●                                 |
| Chất liệu ghế                              | Bọc da Alcantara         | Da                                |
| Ghế người lái chỉnh điện                   | ●                        | ●                                 |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ         | ●                        |                                   |

|                                     |                                              |         |
|-------------------------------------|----------------------------------------------|---------|
| Hàng ghế trước có tính năng sưởi    | ●                                            |         |
| Hàng ghế trước có tính năng massage | ●                                            | -       |
| Kính cửa sổ chỉnh điện              | ●                                            |         |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin       | 10-inch hiệu ứng 3D                          | 10-inch |
| Màn hình giải trí trung tâm         | 10-inch                                      | 10-inch |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto  | Apple Carplay/MirrorLink                     |         |
| Hệ thống điều hòa tự động           | ●                                            |         |
| Số vùng khí hậu điều hòa            | 1                                            |         |
| Cửa gió cho hàng ghế sau            | ●                                            |         |
| Chìa khóa thông minh                | ●                                            |         |
| Khởi động nút bấm                   | ●                                            |         |
| Hệ thống âm thanh                   | 6 loa                                        | 6 loa   |
| Sạc không dây Qi                    | ●                                            |         |
| Phanh đỗ điện tử                    | ●                                            |         |
| Đèn trang trí nội thất              | ●                                            |         |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX          | ●                                            |         |
| Trang bị khác                       | Gương chiếu hậu chống chói tự động tràn viền | -       |

**AN TOÀN:**

|                                         |                    |                        |
|-----------------------------------------|--------------------|------------------------|
| Số túi khí                              | 6                  | 6                      |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS        | ●                  |                        |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD        | ●                  |                        |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA       | ●                  |                        |
| Hệ thống cân bằng điện tử               | ●                  |                        |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA | ●                  |                        |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                   | Trước & Sau        | Trước + sau            |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù               | ●                  | ●                      |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường        | ●                  |                        |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường           | ●                  | ● (Định tâm làn đường) |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động          | ●                  | ● (Camera + radar)     |
| Hệ thống điều khiển hành trình          | ●                  | Thích ứng (Stop & Go)  |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp           | ●                  |                        |
| Camera lùi                              | ● (Giả lập 360 độ) | Phía sau 180°          |